

Tổng hợp từ vựng tiếng Anh về phân biệt chủng tộc

Dưới đây là các nhóm từ vựng tiếng Anh thường gặp khi nói về chủ đề phân biệt chủng tộc. Bạn nên học theo cụm và ngữ cảnh để dùng đúng trong bài nói, bài viết hoặc thuyết trình.

Từ vựng tiếng Anh về phân biệt chủng tộc

Cụm từ/phiên âm	Ý nghĩa	Ngữ cảnh
Race /reɪs/	Chủng tộc	Race should never be used to judge a person's value. (Chủng tộc không bao giờ nên được dùng để đánh giá giá trị của một con người.)
Racism /'reɪ.sɪ.zəm/	Sự phân biệt chủng tộc	Racism remains a serious issue in many societies. (Phân biệt chủng tộc vẫn là một vấn đề nghiêm trọng ở nhiều xã hội.)
Racist /'reɪ.sɪst/	Người phân biệt chủng tộc; mang tính phân biệt chủng tộc	The teacher corrected the student's racist remark. (Giáo viên đã chỉnh lại nhận xét mang tính phân biệt chủng tộc của học sinh.)
Racial /'reɪ.ʃəl/	Thuộc về chủng tộc	The report discusses racial inequality. (Báo cáo thảo luận về bất bình đẳng chủng tộc.)
Racialism /'reɪ.ʃəl.ɪ.zəm/	Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc	Racialism is based on the false belief that one race is superior to another. (Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc dựa trên niềm tin sai lệch rằng một chủng tộc vượt trội hơn chủng tộc khác.)
Racial prejudice /'reɪ.ʃəl 'preɪ.dʒ.ə.dɪs/	Định kiến chủng tộc	Racial prejudice can lead to unfair treatment. (Định kiến chủng tộc có thể dẫn đến đối xử bất công.)
Racial discrimination /'reɪ.ʃəl dɪ'skrɪm.ɪ'neɪ.ʃən/	Phân biệt đối xử về chủng tộc	The policy aims to prevent racial discrimination . (Chính sách này nhằm ngăn chặn phân biệt đối xử về chủng tộc.)
Ethnicity /eθ'nɪs.ə.ti/	Sắc tộc	People should not be judged by their ethnicity . (Không nên đánh giá con người dựa trên sắc tộc của họ.)

Ethnic group /ˈeθ.nɪk grʊ:p/	Nhóm sắc tộc	Each ethnic group has its own cultural traditions. (Mỗi nhóm sắc tộc có truyền thống văn hóa riêng.)
Racial background /ˈreɪ.jəl ˈbæk.graʊnd/	Nền tảng chủng tộc	Students from different racial backgrounds study together. (Học sinh từ các nền tảng chủng tộc khác nhau học cùng nhau.)

Từ vựng liên quan tới hành vi, hình thức phân biệt chủng tộc trong tiếng Anh

Cụm từ/phiên âm	Ý nghĩa	Ngữ cảnh
Discriminate against /dɪˈskrɪm.ɪ.neɪt əˈɡenst/	Phân biệt đối xử với	It is illegal to discriminate against someone because of their race. (Phân biệt đối xử với ai đó vì chủng tộc của họ là bất hợp pháp.)
Discrimination /dɪˈskrɪm.ɪˈneɪ.ʃən/	Sự phân biệt đối xử	Discrimination can happen in schools, workplaces and public spaces. (Phân biệt đối xử có thể xảy ra ở trường học, nơi làm việc và nơi công cộng.)
Prejudice /ˈpreɪdʒ.ə.dɪs/	Định kiến	Prejudice often comes from ignorance and stereotypes. (Định kiến thường xuất phát từ sự thiếu hiểu biết và khuôn mẫu.)
Stereotype /ˈster.i.ə.taɪp/	Khuôn mẫu, định kiến rập khuôn	A stereotype can create unfair assumptions about a group. (Một khuôn mẫu có thể tạo ra những giả định bất công về một nhóm người.)
Bias /ˈbaɪ.əs/	Thành kiến, thiên kiến	Racial bias can affect hiring decisions. (Thành kiến chủng tộc có thể ảnh hưởng đến quyết định tuyển dụng.)
Harassment /ˈhær.əs.mənt/	Sự quấy rối	Racial harassment should be reported immediately. (Quấy rối chủng tộc nên được báo cáo ngay lập tức.)

Abuse /ə'bjʊ:s/	Sự lạm dụng, xúc phạm, ngược đãi	Victims of racial abuse need support. (Nạn nhân của xúc phạm chủng tộc cần được hỗ trợ.)
Hate speech /'heit spi:tʃ/	Ngôn từ thù ghét	Hate speech can spread racism online. (Ngôn từ thù ghét có thể lan truyền phân biệt chủng tộc trên mạng.)
Segregation /ˌseg.ɪ'geɪ.ʃən/	Sự phân biệt, tách biệt chủng tộc	Segregation created deep social divisions. (Sự tách biệt chủng tộc tạo ra những chia rẽ xã hội sâu sắc.)
Racial profiling /'reɪ.jəl 'prəʊ.faɪ.lɪŋ/	Định kiến/chọn lọc đối tượng dựa trên chủng tộc	Racial profiling can lead to unfair treatment by authorities. (Chọn lọc đối tượng dựa trên chủng tộc có thể dẫn đến đối xử bất công từ cơ quan chức năng.)
Xenophobia /ˌzen.ə'fəʊ.bi.ə/	Tâm lý bài ngoại	Xenophobia can be linked to fear of people from other countries. (Tâm lý bài ngoại có thể liên quan đến nỗi sợ người đến từ quốc gia khác.)
Microaggression /ˌmaɪ.krəʊ.ə'ɡref.ən/	Hành vi/lời nói xúc phạm tinh vi	A microaggression may seem small but can hurt deeply. (Một hành vi xúc phạm tinh vi có thể trông nhỏ nhưng gây tổn thương sâu sắc.)

Từ vựng về chính sách, điều luật liên quan đến chủ đề phân biệt chủng tộc

Cụm từ/phiên âm	Ý nghĩa	Ngữ cảnh
Equal rights /'iː.kwəl raɪts/	Quyền bình đẳng	Everyone deserves equal rights regardless of race. (Mọi người đều xứng đáng có quyền bình đẳng bất kể chủng tộc.)
Civil rights /'sɪv.əl raɪts/	Quyền công dân	The civil rights movement fought against racial injustice. (Phong trào quyền công dân đấu tranh chống bất công chủng tộc.)

Human rights /'hju:..mən raɪts/	Nhân quyền	Fighting racism is part of protecting human rights . (Chống phân biệt chủng tộc là một phần của việc bảo vệ nhân quyền.)
Anti-discrimination law / ,æ n .ti dɪ ,skrɪ m .ɪ 'neɪ .ʃən lɔ : /	Luật chống phân biệt đối xử	The country introduced an anti-discrimination law . (Quốc gia này ban hành luật chống phân biệt đối xử.)
Racial equality policy / 'reɪ .ʃəl 'pɒl .ə .si /	Chính sách bình đẳng chủng tộc	Schools need a clear racial equality policy . (Trường học cần có chính sách bình đẳng chủng tộc rõ ràng.)
Diversity policy / daɪ 'vɜ : .sə .ti 'pɒl .ə .si /	Chính sách đa dạng	A strong diversity policy can create an inclusive workplace. (Chính sách đa dạng vững chắc có thể tạo ra nơi làm việc hòa nhập.)
Inclusion policy / ɪ n 'klu : .ʒən 'pɒl .ə .si /	Chính sách hòa nhập	An inclusion policy helps everyone feel respected. (Chính sách hòa nhập giúp mọi người cảm thấy được tôn trọng.)
Workplace equality / 'wɜ : k .pleɪ s ɪ 'kwɒl .ə .ti /	Bình đẳng tại nơi làm việc	Workplace equality should be a priority for every company. (Bình đẳng tại nơi làm việc nên là ưu tiên của mọi công ty.)
Legal protection / 'li : .gəl prə 'tek .ʃən /	Sự bảo vệ pháp lý	Victims of racism need legal protection . (Nạn nhân của phân biệt chủng tộc cần được bảo vệ pháp lý.)
Institutional racism / ,ɪ n .stɪ 'tʃu : .ʃən .əl 'reɪ .sɪ .zəm /	Phân biệt chủng tộc mang tính thể chế	Institutional racism can exist within organizations and systems. (Phân biệt chủng tộc mang tính thể chế có thể tồn tại trong các tổ chức và hệ thống.)

Từ vựng về giải pháp chống phân biệt chủng tộc

Cụm từ/phiên âm	Ý nghĩa	Ngữ cảnh
-----------------	---------	----------

<p>Anti-racism /ˌæn.tiˈreɪ.sɪ.zəm/</p>	<p>Chống phân biệt chủng tộc</p>	<p>Anti-racism means taking action against racism. (Chống phân biệt chủng tộc nghĩa là hành động chống lại phân biệt chủng tộc.)</p>
<p>Promote equality /prəˈmeɪt iˈkwɒl.ə.ti/</p>	<p>Thúc đẩy bình đẳng</p>	<p>Education can promote equality among students. (Giáo dục có thể thúc đẩy bình đẳng giữa học sinh.)</p>
<p>Raise awareness /reɪz əˈweə.nəs/</p>	<p>Nâng cao nhận thức</p>	<p>Campaigns can raise awareness about racism. (Các chiến dịch có thể nâng cao nhận thức về phân biệt chủng tộc.)</p>
<p>Celebrate diversity /ˈsel.ə.breɪt daɪˈvɜː.sə.ti/</p>	<p>Tôn vinh sự đa dạng</p>	<p>Schools should celebrate diversity through cultural activities. (Trường học nên tôn vinh sự đa dạng thông qua các hoạt động văn hóa.)</p>
<p>Respect differences /rɪˈspekt ˈdɪf.ə.r.ənsɪz/</p>	<p>Tôn trọng sự khác biệt</p>	<p>Children should learn to respect differences. (Trẻ em nên học cách tôn trọng sự khác biệt.)</p>
<p>Speak up against racism /spiːk ʌp əˈɡenst ˈreɪ.sɪ.zəm/</p>	<p>Lên tiếng chống phân biệt chủng tộc</p>	<p>We should speak up against racism whenever we see it. (Chúng ta nên lên tiếng chống phân biệt chủng tộc bất cứ khi nào nhìn thấy điều đó.)</p>
<p>Build an inclusive community /bɪld ən ɪnˈkluː.sɪv kəˈmjuː.nə.ti/</p>	<p>Xây dựng cộng đồng hòa nhập</p>	<p>Volunteers help build an inclusive community. (Các tình nguyện viên giúp xây dựng một cộng đồng hòa nhập.)</p>
<p>Educate people /ˈedʒ.u.keɪt ˈpiː.pəl/</p>	<p>Giáo dục mọi người</p>	<p>We need to educate people about racial equality. (Chúng ta cần giáo dục mọi người về bình đẳng chủng tộc.)</p>
<p>Challenge stereotypes /ˈtʃæl.ɪndʒ ˈster.i.ə.taɪps/</p>	<p>Thách thức, phá bỏ định kiến</p>	<p>Media can help challenge stereotypes. (Truyền thông có thể giúp phá bỏ định kiến.)</p>

Support victims

/sə'pɔ:t 'vɪk.tɪmz/

Hỗ trợ nạn nhân

Communities should **support victims** of racial discrimination. (Cộng đồng nên hỗ trợ nạn nhân của phân biệt đối xử về chủng tộc.)

Tài trọn bộ từ vựng tiếng Anh về phân biệt chủng tộc PDF

Nội dung file gồm: từ vựng cơ bản, hành vi phân biệt chủng tộc, chính sách – điều luật, giải pháp chống phân biệt chủng tộc, ví dụ minh họa và bài thuyết trình mẫu.

Dưới đây là 2 bài thuyết trình mẫu về chủ đề **phân biệt chủng tộc**. Bạn có thể tham khảo để luyện nói, chuẩn bị bài thuyết trình ở lớp hoặc mở rộng ý tưởng cho IELTS Speaking/Writing.

Bài thuyết trình mẫu 1: The problem of racism in society

English version:

Good morning everyone,

Today, I would like to talk about the problem of **racism** in society. **Racism** is the belief or behavior that treats people unfairly because of their **race**, skin color or ethnic background. Although the world has made great progress, **racial discrimination** still exists in many places, including schools, workplaces and online communities.

One common form of racism is **racial prejudice**. This happens when people judge others based on stereotypes instead of understanding who they really are. For example, a person may be treated unfairly in a job interview simply because of their name, appearance or background. Another serious problem is **hate speech**, especially on social media, where harmful comments can spread quickly and hurt many people.

Racism affects both individuals and society. Victims may feel isolated, unsafe and less confident. At the same time, racism creates division and prevents people from working together. Therefore, we need to take action. Schools should educate students about **racial equality**, governments should enforce **anti-discrimination laws**, and each person should learn to **respect differences**.

In conclusion, racism is not only a personal issue but also a social problem. To build a better world, we must speak up against racism, challenge stereotypes and create an inclusive community where everyone is treated with dignity and respect.

Thank you for listening.

Dịch nghĩa:

Chào buổi sáng mọi người,

Hôm nay, tôi muốn nói về vấn đề **phân biệt chủng tộc** trong xã hội. Phân biệt chủng tộc là niềm tin hoặc hành vi đối xử bất công với con người vì **chủng tộc**, màu da hoặc nguồn gốc sắc tộc của họ. Mặc dù thế giới đã có nhiều tiến bộ, sự phân biệt đối xử về chủng tộc vẫn tồn tại ở nhiều nơi, bao gồm trường học, nơi làm việc và cộng đồng trực tuyến.

Một hình thức phổ biến của phân biệt chủng tộc là **định kiến chủng tộc**. Điều này xảy ra khi con người đánh giá người khác dựa trên khuôn mẫu thay vì hiểu con người thật của họ. Ví dụ, một người có thể bị đối xử bất công trong buổi phỏng vấn xin việc chỉ vì tên gọi, ngoại hình hoặc xuất thân của họ. Một vấn đề nghiêm trọng khác là **ngôn từ thù ghét**, đặc biệt trên mạng xã hội, nơi những bình luận gây hại có thể lan truyền nhanh chóng và làm tổn thương nhiều người.

Phân biệt chủng tộc ảnh hưởng đến cả cá nhân và xã hội. Nạn nhân có thể cảm thấy cô lập, thiếu an toàn và mất tự tin. Đồng thời, phân biệt chủng tộc tạo ra sự chia rẽ và ngăn cản con người hợp tác với nhau. Vì vậy, chúng ta cần hành động. Trường học nên giáo dục học sinh về **bình đẳng chủng tộc**, chính phủ nên thực thi **luật chống phân biệt đối xử**, và mỗi người nên học cách **tôn trọng sự khác biệt**.

Tóm lại, phân biệt chủng tộc không chỉ là vấn đề cá nhân mà còn là vấn đề xã hội. Để xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, chúng ta phải lên tiếng chống phân biệt chủng tộc, phá bỏ định kiến và tạo ra một cộng đồng hòa nhập, nơi mọi người được đối xử bằng phẩm giá và sự tôn trọng.

Cảm ơn mọi người đã lắng nghe.

Bài thuyết trình mẫu 2: How to fight against racism

English version:

Hello everyone,

Today, I am going to talk about how we can fight against **racism**. Racism can appear in many forms, such as unfair treatment, offensive jokes, **racial stereotypes**, online hate speech or unequal opportunities. To solve this problem, we need both awareness and action. First, education plays an important role. When students learn about different cultures, histories and ethnic groups, they become more open-minded. Education helps people understand that no race is superior to another and that everyone deserves **equal rights**.

Second, we should **speak up against racism**. Sometimes people stay silent because they are afraid of conflict. However, silence can make discrimination continue. If we hear a racist comment or see unfair treatment, we can respond calmly, report the situation or support the victim.

Third, communities and organizations should create clear policies. Workplaces and schools need strong **anti-discrimination policies** to protect people from racial harassment and unfair treatment. At the same time, they should **celebrate diversity** through cultural events, open discussions and inclusive activities.

Finally, each of us should reflect on our own **biases**. We may not always realize that we have stereotypes, so it is important to listen, learn and treat others with empathy.

In conclusion, fighting racism is everyone's responsibility. By educating ourselves, speaking up, supporting victims and promoting equality, we can help create a more respectful and inclusive society.

Thank you.

Bản dịch tiếng Việt:

Xin chào mọi người,

Hôm nay, tôi sẽ nói về cách chúng ta có thể chống lại **phân biệt chủng tộc**. Phân biệt chủng tộc có thể xuất hiện dưới nhiều hình thức, chẳng hạn như đối xử bất công, những câu đùa xúc phạm, **khôn mẫu chủng tộc**, ngôn từ thù ghét trên mạng hoặc cơ hội không bình đẳng. Để giải quyết vấn đề này, chúng ta cần cả nhận thức và hành động.

Trước hết, giáo dục đóng vai trò rất quan trọng. Khi học sinh tìm hiểu về các nền văn hóa, lịch sử và nhóm sắc tộc khác nhau, các em sẽ trở nên cởi mở hơn. Giáo dục giúp con người hiểu rằng không có chủng tộc nào vượt trội hơn chủng tộc khác và mọi người đều xứng đáng có **quyền bình đẳng**.

Thứ hai, chúng ta nên **lên tiếng chống phân biệt chủng tộc**. Đôi khi mọi người im lặng vì sợ xung đột. Tuy nhiên, sự im lặng có thể khiến phân biệt đối xử tiếp diễn. Nếu nghe thấy một bình luận mang tính phân biệt chủng tộc hoặc chứng kiến sự đối xử bất công, chúng ta có thể phản hồi một cách bình tĩnh, báo cáo sự việc hoặc hỗ trợ nạn nhân.

Thứ ba, cộng đồng và tổ chức nên xây dựng các chính sách rõ ràng. Nơi làm việc và trường học cần có **chính sách chống phân biệt đối xử** mạnh mẽ để bảo vệ mọi người khỏi sự quấy rối chủng tộc và đối xử bất công. Đồng thời, họ nên **tôn vinh sự đa dạng** thông qua các sự kiện văn hóa, thảo luận cởi mở và hoạt động hòa nhập.

Cuối cùng, mỗi chúng ta nên tự nhìn lại những **thành kiến** của chính mình. Không phải lúc nào chúng ta cũng nhận ra mình có định kiến, vì vậy việc lắng nghe, học hỏi và đối xử với người khác bằng sự đồng cảm là rất quan trọng.

Tóm lại, chống phân biệt chủng tộc là trách nhiệm của tất cả mọi người. Bằng cách tự giáo dục bản thân, lên tiếng, hỗ trợ nạn nhân và thúc đẩy bình đẳng, chúng ta có thể góp phần tạo nên một xã hội tôn trọng và hòa nhập hơn.

Cảm ơn mọi người.